

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7832** /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày **25** tháng 7 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ); trong đó, quy định cụ thể về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Để có cơ sở đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP và kiến nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công theo Đề cương chi tiết (đính kèm).

Báo cáo (nêu trên) của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 20 tháng 8 năm 2024**.

Mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, QLCS. *Phúc (46)*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Văn Khăng**

## BỘ TÀI CHÍNH

### ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP,  
Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**

(Kèm theo Công văn số 7832./BTC-QLCS ngày 25/7/2024 của Bộ Tài chính)

**I. Về công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.**

**1. Về công tác tổ chức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP:**

- Đã tổ chức

- Chưa tổ chức

Trường hợp đã tổ chức tập huấn, phổ biến tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP thì đánh dấu “X” vào ô “Đã tổ chức” và nêu rõ hình thức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền; đối tượng phổ biến, tập huấn, tuyên truyền; phạm vi phổ biến, tập huấn, tuyên truyền.

Trường hợp chưa tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa tổ chức”.

**2. Về công tác đôn đốc, chỉ đạo cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý tăng cường việc thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP**

- Đã đôn đốc, chỉ đạo

- Chưa đôn đốc, chỉ đạo

Trường hợp đã đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP thì đánh dấu “X” vào ô “Đã đôn đốc, chỉ đạo” đồng thời liệt kê các văn bản đôn đốc, chỉ đạo

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa đôn đốc, chỉ đạo”.

**3. Về công tác chỉ đạo thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**

- Đã chỉ đạo thực hiện kiểm tra

- Chưa chỉ đạo thực hiện kiểm tra

Trường hợp đã chỉ đạo thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công thì đánh dấu “X” vào ô “Đã chỉ đạo thực hiện kiểm tra” đồng thời liệt kê các văn bản chỉ đạo thực hiện kiểm tra.

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa chỉ đạo thực hiện kiểm tra”.



**II. Công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2024** (Áp dụng đối với Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP).

- Số vụ việc xử phạt vi phạm hành chính: .....vụ.
- Số vụ việc xử phạt cảnh cáo: .....vụ.
- Số vụ việc xử phạt bằng tiền: .....vụ.
- Số tiền xử phạt vi phạm hành chính: .....đồng.
- Số lợi bất hợp pháp đã được nộp lại: .....đồng.

### **III. Những khó khăn, vướng mắc**

Đề nghị nêu rõ những khó khăn, vướng mắc (nếu có) về cơ chế chính sách, về tổ chức thực hiện trong quá trình triển khai Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

### **IV. Đánh giá và đề xuất, kiến nghị:**

**1. Đánh giá nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công theo các tiêu chí nêu tại cột (3), (4), (5) Biểu mẫu đính kèm Đề cương này.**

#### **2. Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách**

Đề nghị đề xuất, kiến nghị cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó tập trung một số nội dung sau:

- a) Về loại tài sản công (nhóm tài sản công) để xử phạt vi phạm hành chính.
- b) Về các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt hành chính: Theo các tiêu chí nêu tại cột 6, 7, 8 Biểu mẫu kèm theo Đề cương này.
- c) Về hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi.
- d) Xác định (cách tính) số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.
- đ) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.
- e) Xác định hành vi đã kết thúc, hành vi đang được thực hiện.

.....

#### **2. Đề xuất, kiến nghị về tổ chức thực hiện**

Đề nghị đề xuất các kiến nghị cụ thể với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nghiêm quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công./.

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 102/2021/NĐ-CP  
VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| 1         | 2  | 3   | 4                 | 5                       | 6                  | 7   | 8                              | 9       |
| <b>I</b>  | <b>THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>1</b>  | <b>Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công gồm:</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>a)</b> | Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Chánh Thanh tra Bộ   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>b)</b> | Công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b>  | <b>Người có thẩm quyền lập biên bản quy định nêu trên có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ra quyết định xử phạt.</b> |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>II</b> | <b>THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| <b>1</b> | <b>Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt cảnh cáo;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt tiền đến 50 triệu đồng;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | đồng.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt cảnh cáo  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt tiền đến 100 triệu đồng   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ có quyền: |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt cảnh cáo  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Phạt tiền đến 500.000 đồng   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000 đồng   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT        | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công    | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|------------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|            |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *          | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)         | Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:                         |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt cảnh cáo;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt tiền đến 50 triệu đồng.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | đồng.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)         | Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt cảnh cáo   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt tiền đến 70 triệu đồng   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | đồng  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)         | Chánh Thanh tra Bộ có quyền:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt cảnh cáo   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Phạt tiền đến 100 triệu đồng.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>III</b> | <b>HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>1</b>   | <b>Hình thức xử phạt chính (Cảnh cáo và phạt tiền)</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| a)        | Cảnh cáo   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)        | Phạt tiền tối đa 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b>  | <b>Hình thức xử phạt bổ sung (tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính)</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>3</b>  | <b>Biện pháp khắc phục hậu quả</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)        | Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)        | Buộc nộp lại số tiền do thực hiện hành vi vi phạm hành chính gây ra  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)        | Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)        | Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| đ)        | Buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định trong việc đăng nhập, sử dụng số liệu về tài sản công.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| e)        | Buộc điều chỉnh, bổ sung số liệu, thông tin, báo cáo kê khai bổ sung về tài sản công.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>IV</b> | <b>HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>1</b>  | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đầu tư, mua sắm tài sản công</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)        | Phạt tiền đối với hành vi thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua dưới 100 triệu đồng.        |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua từ 100 triệu đồng trở lên. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Phạt tiền đối với hành vi đầu tư, mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)       | Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản đầu tư, mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định tại điểm c mục 1 này.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đi thuê tài sản</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | tài sản trong trường hợp hợp đồng thuê tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng đối với các hành vi:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Hành vi thực hiện đi thuê tài sản khi không có quyết định về thuê tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Hành vi đi thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.                             |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | sản nêu tại điểm a trong trường hợp hợp đồng thuê tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền đã thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định tại điểm * thứ 2 khoản a và khoản b mục 2 này.                                       |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>3</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản công, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền đối với hành vi giao tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (không đúng đối tượng, vượt diện tích, vượt số lượng, vượt mức giá) theo các mức phạt sau: |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt dưới 50 triệu đồng.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 100 triệu đồng trở lên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| b)  | Phạt tiền đối với hành vi giao, sử dụng tài sản công không đúng mục đích (Sử dụng tài sản công không đúng với mục đích, công năng sử dụng của tài sản được đầu tư, trang bị, mua sắm; Sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp làm nhà ở hoặc sử dụng vào mục đích cá nhân; Sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc đối với chức danh không có tiêu chuẩn; Sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe mà không được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giao, sử dụng xe ô tô vào mục đích cá nhân; Sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản khác vào mục đích cá nhân) theo các mức phạt sau: |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Phạt tiền đối với hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp cố ý làm hư hỏng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp cố ý làm hư hỏng tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp cố ý làm hư hỏng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)       | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định tại điểm a mục 3 này;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm c mục 3 này.              |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>4</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về cho mượn tài sản công</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền đối với hành vi cho mượn, sử dụng tài sản công không đúng quy định (cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài sản công không phân biệt có hợp đồng cho mượn hay không có hợp đồng cho mượn, không phân biệt thời hạn cho mượn) theo các mức phạt  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp cho mượn tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp cho mượn tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng trong trường hợp cho mượn tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc hoàn trả lại tài sản cho mượn. Trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với số tiền thuê tài sản trong thời gian cho mượn. Việc xác định số tiền thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định 63/2019/NĐ-CP |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>5</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về trao đổi, tặng cho tài sản công không đúng quy định</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền đối với hành vi trao đổi tài sản công không đúng quy định (dùng tài sản công của tổ chức để đổi lấy tài sản của tổ chức, cá nhân khác mà không được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép) theo các mức phạt sau:      |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi có giá trị dưới 100 triệu đồng.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp tài sản dùng để trao đổi là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với hành vi tặng cho tài sản công không đúng quy định (sử dụng tài sản công để làm quà tặng vi phạm Quy chế tặng quà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành).               |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả tài sản hoặc trả lại bằng tiền tương ứng với giá trị tài sản đã trao đổi, tặng cho đối với hành vi quy định tại điểm a, b mục 5 này.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>6</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| b)  | Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại nêu trên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trả lại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị lấn chiếm   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với số tiền thuê tài sản trong thời gian lấn chiếm. Việc xác định số tiền thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 7   | <b>Hành vi chiếm đoạt tài sản công</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)  | Phạt tiền đối với hành vi chiếm đoạt tài sản công mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự (nắm giữ, sử dụng tài sản công mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) theo các mức phạt sau:                        |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp chiếm đoạt trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)  | Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định nêu trên   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *         | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra để trả lại tổ chức; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với tiền thuê tài sản trong thời gian chiếm đoạt. Việc xác định số tiền thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>8</b>  | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>a)</b> | Phạt tiền đối với hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản có giá trị dưới 100 triệu.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>b)</b> | Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo các mức phạt sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá tài sản không đúng thành phần.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi lựa chọn tổ chức thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng trình tự theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Phạt tiền đối với hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sai mục đích so với đề án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao theo các mức phạt sau: |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)  | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | điểm a nêu trên gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a và điểm c nêu trên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 9   | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|     | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng trong trường hợp tài sản có giá trị dưới 50 triệu đồng;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
|           | Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|           | Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên và tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|           | Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị hư hỏng được quy định như sau:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | định tương ứng với giá mua mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường nhân với tỷ lệ chất lượng còn lại tại thời điểm xác định giá trị.                                       |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Đối với tài sản bị hư hỏng có thể khắc phục được, số tiền phải nộp lại là chi phí để sửa chữa tài sản đó.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Người đứng đầu tổ chức giao cơ quan tài chính thuộc phạm vi quản lý làm đầu mối xác định số tiền phải nộp; trên cơ sở đó người đứng đầu tổ chức quyết định số tiền phải nộp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình     |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>10</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về quy định về xử lý tài sản công</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>a)</b> | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Không thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công không đúng thời hạn theo quy định;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *   | Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn còn sử dụng được và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp vẫn còn nhu cầu sử dụng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hình thức xử lý cho phù hợp). |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)  | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với tổ chức để hư hỏng, thất thoát tài sản trong thời gian chờ xử lý.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Phạt tiền đối với hành vi xử lý tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo các mức phạt sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp bán, điều chuyển, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)  | Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý (dẫn đến việc quyết định xử lý tài sản không đúng quy định) thì bị xử phạt như sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Phạt cảnh cáo trong trường hợp kê khai tài sản có giá trị dưới 50 triệu đồng;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng trong trường hợp kê khai tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp kê khai tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *         | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp kê khai tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>d)</b> | Biện pháp khắc phục hậu quả:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại điểm b, điểm c nêu trên gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng đối với hành vi quy định tại điểm b nêu trên.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>11</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về quy định về tổ chức xử lý tài sản công</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>a)</b> | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn quy định.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>b)</b> | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Thành lập không đúng thẩm quyền Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Thành lập không đúng thành phần Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *   | Thực hiện không đầy đủ thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Không thành lập Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Không thực hiện thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)  | Phạt tiền đối với hành vi không thực hiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức bán; không thực hiện bán đấu giá tài sản đối với những trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện bán đấu giá: |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng trong trường hợp tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng trong trường hợp tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 12  | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)  | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | sản công không đúng hồ sơ, giấy tờ pháp lý, không phù hợp với hiện trạng tài sản của đơn vị  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi không có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Nhập, duyệt dữ liệu về tài sản công không đúng so với báo cáo kê khai của tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Tây, xóa, sửa chữa báo cáo kê khai tài sản làm sai lệch số liệu về tài sản công so với hiện trạng của tài sản;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Truy cập, xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, phá hoại, làm thay đổi số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, cấu trúc chương trình phần mềm;                 |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Khai thác thông tin tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quản lý;                             |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Sử dụng số liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Biện pháp khắc phục hậu quả   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc sửa chữa số liệu cho khớp đúng với thực tế hiện trạng tài sản của đơn vị;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc lập bổ sung báo cáo kê khai chưa được lập khi nghiệp vụ tài sản có biến động phát sinh.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>V</b> | <b>VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>1</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.                                     |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Việc xác định giá trị tài sản vượt so với tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản để phục vụ công tác quản lý của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.                                |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về giao, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi giao, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc không đúng mục đích thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.                        |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi cho mượn tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi trao đổi, biếu, tặng cho tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
|          | Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.                                     |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.                                       |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>3</b> | <b>Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không thực hiện kiểm kê, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý tài sản theo thời hạn quy định;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản do các chuyên gia ODA, nhà thầu tư vấn, giám sát chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam theo quy định.                                       |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Đề tài sản bị hư hỏng, thất thoát trong thời gian chờ xử lý;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT       | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|           |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| c)        | Xử phạt tổ chức có hành vi bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)        | Xử phạt tổ chức có hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản để nghị xử lý thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)        | Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| e)        | Biện pháp khắc phục hậu quả:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>VI</b> | <b>VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>1</b>  | <b>Hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)        | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *         | Không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Chuyển giao tài sản cho các cơ quan chức năng để xử lý không đúng thời hạn quy định.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Đề tài sản bị hư hỏng, thất thoát trong thời gian chờ xử lý;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Biện pháp khắc phục hậu quả:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu; |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng đối với hành vi   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT        | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|------------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|            |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *          | Lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)         | Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 3          | <b>Hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|            | Xử phạt đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>VII</b> | <b>VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 1          | <b>Hành vi vi phạm trong khai thác tài sản kết cấu hạ tầng</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)         | Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)         | chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo các mức phạt sau:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *          | Từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi thành lập Hội đồng định giá không đúng thành phần hoặc không đúng thẩm quyền;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công   | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi lựa chọn tổ chức thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Phạt tiền 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng sai mục đích so với đề án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)       | Biện pháp khắc phục hậu quả:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Buộc nộp lại số tiền thu được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 1 này.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Hành vi vi phạm trong xử lý tài sản kết cấu hạ tầng</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không thực hiện kê khai, lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | tiêu hủy tài sản khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật nhưng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp vẫn còn nhu cầu sử dụng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hình thức xử lý cho phù hợp). |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Đề huỷ, thất thoát tài sản trong thời gian chờ xử lý.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT      | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|          |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *        | Kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý, dẫn đến việc quyết định xử lý tài sản không đúng quy định.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)       | Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi xử lý tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)       | Biện pháp khắc phục hậu quả:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|          | Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng đối với hành vi quy định tại điểm b mục 2 này. Việc xác định số tiền phải nộp lại tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| <b>3</b> | <b>Hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng</b>  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| a)       | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn quy định.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| b)       | Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *        | Thành lập không đúng thẩm quyền, không đúng thành phần Hội đồng xác định giá, Hội đồng tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |

| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công  | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |   | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
| *   | Thực hiện không đầy đủ việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản (không thực hiện niêm yết về việc bán đấu giá tài sản tại những địa điểm quy định; không thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo nhưng không đủ thời gian đối với việc bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản; nội dung niêm yết, thông báo công khai không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản). |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| c)  | Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Không thành lập Hội đồng xác định giá, Hội đồng tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật;   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật;  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| *   | Không thực hiện việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản công theo quy định tại điểm b mục 3 này.   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| d)  | giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức bán.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
| 4   | <b>Hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng</b>   |   |                   |                         |                    |   |                                |         |
|     | Xử phạt đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |



| STT | Nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công | Đánh giá nội dung quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công |                   |                         | Đề xuất, kiến nghị |   |                                | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------|-------------------------|--------------------|---|--------------------------------|---------|
|     |  | Phù hợp   | Không còn phù hợp | Lý do không còn phù hợp | Giữ như quy định   | Đề nghị sửa đổi, bổ sung (Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung) | Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung |         |
|     |  |   |                   |                         |                    |   |                                |         |